TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 176/2023/HNGĐ-ST Ngày: 26/6/2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thơm**.

Ông **Nguyễn Văn Hoàn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Xóm E, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 10, khu P phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Đội 10, khu P phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đặng Thị L *trình bày:* Chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 07/6/2016. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì anh T đi lao động tại Đài Loan, tháng 7/2019 chị cũng sang Đài Loan làm việc cùng anh. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc, đến tháng 7/2021 vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, mỗi người một ý kiến không có sự thống nhất, vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, căng thẳng. Tháng 10/2021 chị về nước nhưng không về gia đình nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 08/12/2016, từ nhỏ con ở với bà nội, khi chị về nước có đón con về chơi. Khi ly hôn, chị và anh T thống nhất giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí giao con Vũ Gia H cho mẹ đẻ anh T là bà Bùi Thị T1 chăm sóc cho đến khi anh T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Bùi Thị T1 (mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, anh T có quan điểm xác định vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, anh chị cùng thống nhất để anh được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nhất trí việc chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bà T1 thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Bùi Thị T1 nhất trí thay anh T chăm sóc cháu Vũ Gia H cho đến khi anh T về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu H.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng không sống ở địa phương mà cùng sang Đài Loan sinh sống và làm việc. Hiện tại chị L đã về nước nhưng không về gia đình nhà chồng mà về gia đình chị L sinh sống, anh T đến nay chưa về nước. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị L ly hôn anh Vũ Văn T. Về con chung: Giao con chung Vũ Gia H, sinh ngày 08/12/2016 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Vũ Gia H cho bà Bùi Thị T1 chăm sóc trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Vũ Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở đội 10, khu P phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T1 là mẹ đẻ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà T1 vẫn thường xuyên liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh T. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh T và bà T1 đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 07/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh T đi lao động ở Đài Loan, tháng 7/2019 chị L cũng sang lao động cùng anh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra tranh cãi căng thẳng. Tháng 10/2021 chị L về nước nhưng không về gia đình nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T vẫn đang lao động ở Đài Loan, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T cũng xác định tình cảm không còn, chị L có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị L và anh Vũ Văn T có 01 con chung là Vũ Gia H, sinh ngày 08/12/2016. Chị L và anh T thống nhất giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T ủy quyền cho bà Bùi Thị T1 chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con Vũ Gia H cho bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị L và anh T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị L ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Vũ Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Gia H, sinh ngày 08/12/2016 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng kể từ 7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Vũ Gia H cho bà Bùi Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh T *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị* L *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004428 ngày 05/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị L và bà Bùi Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường